PHỤ LỤC 1
SỐ LƯỢNG ĐỐI TƯỢNG HƯỞNG CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ TRẺ EM, CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN ĐỘI NGŨ THEO ĐIỀU 5, ĐIỀU 6 NGHỊ ĐỊNH SỐ 277/2025/NĐ-CP, NĂM HỌC 2025 - 2026

(Ban hành kèm theo Quyết định số 7582 /QĐ-UBND ngày 14 tháng 11 năm 2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố)

STT	XÃ/PHƯỜNG/ ĐẶC KHU	Số giáo viên mới tuyển dụng năm học 2025-2026	Số Cán bộ cán bộ, giáo viên, nhân viên thực hiện nhiệm vụ PCGD cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi			Số trẻ hỗ trợ ăn trưa		Số trẻ hỗ trợ chi phí học tập	
			Cán bộ quản lý	Giáo viên	Nhân viên	Trẻ em 3 tuổi (Lớp 3-4 tuổi)	Trẻ em 4 tuổi (Lớp 4-5 tuổi)	Trẻ em 3 tuổi (Lớp 3-4 tuổi)	Trẻ em 4 tuổi (Lớp 4-5 tuổi)
Tổng		**260**	**1,821**	**7,463**	**1,901**	**261**	**484**	**3,237**	**3,692**
1	Xã Củ Chi	0	9	30	6	1	1	25	34
2	Xã Tân An Hội	1	18	78	13	1	1	1	1
3	Xã Thái Mỹ	0	9	42	6	0	3	0	3
4	Xã An Nhơn Tây	1	9	31	7	2	0	2	0
5	Xã Nhuận Đức	1	12	47	7	1	0	1	0
6	Xã Phú Hòa Đông	0	13	57	7	0	0	0	0
7	Xã Bình Mỹ	1	12	45	7	0	0	0	0
8	Xã Hóc Môn	1	21	97	67	0	0	0	0

STT	XÃ/PHƯỜNG/ ĐẶC KHU	Số giáo viên mới tuyển dụng năm học 2025-2026	Số Cán bộ cán bộ, giáo viên, nhân viên thực hiện nhiệm vụ PCGD cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi			Số trẻ hỗ trợ ăn trưa		Số trẻ hỗ trợ chi phí học tập	
			Cán bộ quản lý	Giáo viên	Nhân viên	Trẻ em 3 tuổi (Lớp 3-4 tuổi)	Trẻ em 4 tuổi (Lớp 4-5 tuổi)	Trẻ em 3 tuổi (Lớp 3-4 tuổi)	Trẻ em 4 tuổi (Lớp 4-5 tuổi)
9	Xã Xuân Thới Sơn	1	13	80	7	0	1	0	1
10	Xã Đông Thạnh	1	12	78	38	0	0	0	0
11	Xã Bà Điểm	0	12	62	8	0	0	0	3
12	Phường Đông Hưng Thuận	1	15	48	11	0	0	0	0
13	Phường Trung Mỹ Tây	0	10	34	8	0	0	0	0
14	Phường Tân Thới Hiệp	0	12	81	8	0	0	0	0
15	Phường Thới An	1	17	71	12	0	0	0	0
16	Phường An Phú Đông	1	14	58	7	0	0	0	0
17	Phường Tây Thạnh	0	3	12	2	0	0	0	0
18	Phường Tân Sơn Nhì	1	9	31	5	0	0	0	0
19	Phường Phú Thọ Hòa	0	17	73	11	0	0	0	0
20	Phường Tân Phú	1	9	49	6	1	0	1	0

STT	XÃ/PHƯỜNG/ ĐẶC KHU	Số giáo viên mới tuyển dụng năm học 2025-2026	Số Cán bộ cán bộ, giáo viên, nhân viên thực hiện nhiệm vụ PCGD cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi			Số trẻ hỗ trợ ăn trưa		Số trẻ hỗ trợ chi phí học tập	
			Cán bộ quản lý	Giáo viên	Nhân viên	Trẻ em 3 tuổi (Lớp 3-4 tuổi)	Trẻ em 4 tuổi (Lớp 4-5 tuổi)	Trẻ em 3 tuổi (Lớp 3-4 tuổi)	Trẻ em 4 tuổi (Lớp 4-5 tuổi)
21	Phường Phú Thạnh	0	6	32	2	0	0	0	0
22	Phường Tân Sơn Hòa	0	10	27	8	0	0	0	0
23	Phường Tân Sơn Nhất	0	15	56	10	0	0	0	0
24	Phường Tân Hòa	7	10	36	8	0	0	0	0
25	Phường Bảy Hiền	0	17	63	12	0	0	0	0
26	Phường Tân Bình	0	6	62	6	0	1	0	1
27	Phường Tân Sơn	0	3	13	1	0	0	0	0
28	Phường Hạnh Thông	1	16	69	15	8	4	8	4
29	Phường An Nhơn	0	8	29	9	0	0	0	0
30	Phường Thông Tây Hội	0	9	51	9	0	0	0	0
31	Phường An Hội Đông	0	12	49	14	0	0	0	0
32	Phường An Hội Tây	0	6	34	11	0	0	0	2

STT	XÃ/PHƯỜNG/ ĐẶC KHU	Số giáo viên mới tuyển dụng năm học 2025-2026	Số Cán bộ cán bộ, giáo viên, nhân viên thực hiện nhiệm vụ PCGD cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi			Số trẻ hỗ trợ ăn trưa		Số trẻ hỗ trợ chi phí học tập	
			Cán bộ quản lý	Giáo viên	Nhân viên	Trẻ em 3 tuổi (Lớp 3-4 tuổi)	Trẻ em 4 tuổi (Lớp 4-5 tuổi)	Trẻ em 3 tuổi (Lớp 3-4 tuổi)	Trẻ em 4 tuổi (Lớp 4-5 tuổi)
33	Phường Gò Vấp	0	9	38	6	0	0	2	0
34	Phường Đức Nhuận	0	11	37	20	0	1	0	1
35	Phường Cầu Kiệu	0	11	36	31	0	0	0	2
36	Phường Phú Nhuận	0	16	47	49	0	0	0	0
37	Phường Bình Lợi Trung	0	14	58	10	0	0	0	0
38	Đặc khu Côn Đảo	0	9	29	4	0	0	0	0
39	Phường Bình Thạnh	7	13	55	12	94	141	94	141
40	Phường Gia Định	0	23	74	14	0	0	0	0
41	Phường Thạnh Mỹ Tây	7	14	51	26	0	0	0	0
42	Phường Bình Quới	3	5	25	9	0	0	0	0
43	Phường Sài Gòn	0	9	31	6	0	0	0	0
44	Phường Tân Định	3	9	24	6	0	0	0	0

STT	XÃ/PHƯỜNG/ ĐẶC KHU	Số giáo viên mới tuyển dụng năm học 2025-2026	Số Cán bộ cán bộ, giáo viên, nhân viên thực hiện nhiệm vụ PCGD cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi			Số trẻ hỗ trợ ăn trưa		Số trẻ hỗ trợ chi phí học tập	
			Cán bộ quản lý	Giáo viên	Nhân viên	Trẻ em 3 tuổi (Lớp 3-4 tuổi)	Trẻ em 4 tuổi (Lớp 4-5 tuổi)	Trẻ em 3 tuổi (Lớp 3-4 tuổi)	Trẻ em 4 tuổi (Lớp 4-5 tuổi)
45	Phường Bến Thành	2	14	43	9	0	0	0	0
46	Phường Cầu Ông Lãnh	1	10	40	8	85	155	87	156
47	Phường Bàn Cờ	0	15	49	31	0	0	0	0
48	Phường Xuân Hòa	1	19	70	33	1	0	1	0
49	Phường Nhiêu Lộc	2	13	39	38	3	2	0	0
50	Phường Khánh Hội	1	11	30	8	2	3	2	3
51	Phường Chợ Quán	0	14	54	52	0	0	0	0
52	Phường An Đông	2	13	42	9	0	0	0	0
53	Phường Chợ Lớn	6	19	70	16	0	3	0	3
54	Phường Vườn Lài	0	19	48	12	0	1	0	1
55	Phường Diên Hồng	0	21	57	10	0	0	0	0
56	Phường Hòa Hưng	1	15	58	8	0	2	0	0

STT	XÃ/PHƯỜNG/ ĐẶC KHU	Số giáo viên mới tuyển dụng năm học 2025-2026	Số Cán bộ cán bộ, giáo viên, nhân viên thực hiện nhiệm vụ PCGD cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi			Số trẻ hỗ trợ ăn trưa		Số trẻ hỗ trợ chi phí học tập	
			Cán bộ quản lý	Giáo viên	Nhân viên	Trẻ em 3 tuổi (Lớp 3-4 tuổi)	Trẻ em 4 tuổi (Lớp 4-5 tuổi)	Trẻ em 3 tuổi (Lớp 3-4 tuổi)	Trẻ em 4 tuổi (Lớp 4-5 tuổi)
57	Phường Bình Thới	0	14	61	10	0	4	0	4
58	Phường Hòa Bình	0	5	19	4	2	0	0	0
59	Phường Phú Thọ	0	10	35	8	0	0	0	0
60	Phường Minh Phụng	4	16	56	12	0	0	0	0
61	Phường Bình Tiên	3	15	52	10	0	0	0	0
62	Phường Bình Tây	1	15	53	25	0	0	0	0
63	Phường Bình Phú	1	12	66	8	0	1	0	1
64	Phường Phú Lâm	2	9	34	5	0	0	0	0
65	Phường Tân Tạo	1	14	60	33	0	0	61	46
66	Phường An Lạc	0	27	104	18	0	0	3	2
67	Phường Bình Tân	0	9	48	6	0	0	0	0
68	Phường Bình Hưng Hòa	17	12	109	8	0	0	0	0

STT	XÃ/PHƯỜNG/ ĐẶC KHU	Số giáo viên mới tuyển dụng năm học 2025-2026	Số Cán bộ cán bộ, giáo viên, nhân viên thực hiện nhiệm vụ PCGD cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi			Số trẻ hỗ trợ ăn trưa		Số trẻ hỗ trợ chi phí học tập	
			Cán bộ quản lý	Giáo viên	Nhân viên	Trẻ em 3 tuổi (Lớp 3-4 tuổi)	Trẻ em 4 tuổi (Lớp 4-5 tuổi)	Trẻ em 3 tuổi (Lớp 3-4 tuổi)	Trẻ em 4 tuổi (Lớp 4-5 tuổi)
69	Phường Bình Trị Đông	1	6	25	4	0	0	0	0
70	Phường Vĩnh Hội	9	37	14	1	1	1	1	0
71	Phường Xóm Chiếu	0	12	57	12	0	2	0	2
72	Phường Phú Thuận	0	6	41	4	0	0	0	0
73	Phường Tân Hưng	0	14	85	75	0	0	0	0
74	Phường Tân Thuận	1	11	58	9	0	0	0	0
75	Phường Tân Mỹ	1	6	36	29	0	0	0	0
76	Phường Chánh Hưng	3	24	94	15	0	1	0	6
77	Phường Bình Đông	0	12	77	8	0	0	0	0
78	Phường Phú Định	2	18	71	13	0	0	0	0
79	Phường Dĩ An	0	10	71	10	0	1	0	1
80	Phường Đông Hòa	0	9	49	9	0	0	0	0

STT	XÃ/PHƯỜNG/ ĐẶC KHU	Số giáo viên mới tuyển dụng năm học 2025-2026	Số Cán bộ cán bộ, giáo viên, nhân viên thực hiện nhiệm vụ PCGD cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi			Số trẻ hỗ trợ ăn trưa		Số trẻ hỗ trợ chi phí học tập	
			Cán bộ quản lý	Giáo viên	Nhân viên	Trẻ em 3 tuổi (Lớp 3-4 tuổi)	Trẻ em 4 tuổi (Lớp 4-5 tuổi)	Trẻ em 3 tuổi (Lớp 3-4 tuổi)	Trẻ em 4 tuổi (Lớp 4-5 tuổi)
81	Phường Tân Đông Hiệp	0	7	36	5	0	1	0	0
82	Phường Hiệp Bình	0	17	71	34	0	0	0	0
83	Phường Tam Bình	2	15	52	10	0	19	0	19
84	Phường Linh Xuân	3	11	85	17	0	4	0	4
85	Phường Thủ Đức	2	13	47	10	0	3	0	4
86	Phường Long Bình	0	0	0	0	0	0	0	0
87	Phường Tăng Nhơn Phú	5	25	76	19	0	0	0	0
88	Phường Phước Long	3	10	50	36	0	0	0	0
89	Phường Long Phước	0	7	28	9	0	0	0	0
90	Phường Long Trường	0	3	13	3	0	1	0	1
91	Phường An Khánh	2	13	42	36	0	0	0	0
92	Phường Bình Trưng	5	22	82	68	0	2	3	2

STT	XÃ/PHƯỜNG/ ĐẶC KHU	Số giáo viên mới tuyển dụng năm học 2025-2026	Số Cán bộ cán bộ, giáo viên, nhân viên thực hiện nhiệm vụ PCGD cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi			Số trẻ hỗ trợ ăn trưa		Số trẻ hỗ trợ chi phí học tập	
			Cán bộ quản lý	Giáo viên	Nhân viên	Trẻ em 3 tuổi (Lớp 3-4 tuổi)	Trẻ em 4 tuổi (Lớp 4-5 tuổi)	Trẻ em 3 tuổi (Lớp 3-4 tuổi)	Trẻ em 4 tuổi (Lớp 4-5 tuổi)
93	Phường Cát Lái	4	10	52	39	0	0	0	0
94	Xã Vĩnh Lộc	0	7	34	5	0	1	0	0
95	Xã Tân Vĩnh Lộc	1	16	59	9	0	0	56	69
96	Xã Bình Lợi	0	10	30	10	0	0	0	0
97	Xã Tân Nhựt	0	11	46	8	0	0	0	0
98	Xã Bình Chánh	0	15	53	10	0	0	0	0
99	Xã Hưng Long	2	10	39	8	0	0	0	0
100	Xã Bình Hưng	4	17	82	10	0	0	0	0
101	Xã Cần Giờ	0	9	31	8	0	0	5	20
102	Xã An Thới Đông	1	9	28	6	0	0	0	17
103	Xã Bình Khánh	0	9	39	6	31	62	31	62
104	Xã Thạnh An	1	2	6	2	0	0	7	14

STT	XÃ/PHƯỜNG/ ĐẶC KHU	Số giáo viên mới tuyển dụng năm học 2025-2026	Số Cán bộ cán bộ, giáo viên, nhân viên thực hiện nhiệm vụ PCGD cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi			Số trẻ hỗ trợ ăn trưa		Số trẻ hỗ trợ chi phí học tập	
			Cán bộ quản lý	Giáo viên	Nhân viên	Trẻ em 3 tuổi (Lớp 3-4 tuổi)	Trẻ em 4 tuổi (Lớp 4-5 tuổi)	Trẻ em 3 tuổi (Lớp 3-4 tuổi)	Trẻ em 4 tuổi (Lớp 4-5 tuổi)
105	Xã Nhà Bè	0	16	0	7	0	0	0	0
106	Xã Hiệp Phước	0	10	58	9	0	0	0	0
107	Phường Thủ Dầu Một	8	17	47	11	1	2	1	2
108	Phường Phú Lợi	4	14	49	8	0	0	0	0
109	Phường Chánh Hiệp	0	4	20	2	0	0	40	58
110	Phường Bình Dương	6	10	48	4	0	0	332	467
111	Phường An Phú	3	7	23	2	1	0	548	824
112	Phường Bình Hòa	4	10	34	5	0	5	0	4
113	Phường Lái Thiêu	2	10	29	5	6	7	0	0
114	Phường Thuận An	3	5	31	5	0	3	0	3
115	Phường Thuận Giao	0	3	8	2	0	0	0	0
116	Phường Vĩnh Tân	1	6	18	2	0	0	0	0

STT	XÃ/PHƯỜNG/ ĐẶC KHU	Số giáo viên mới tuyển dụng năm học 2025-2026	Số Cán bộ cán bộ, giáo viên, nhân viên thực hiện nhiệm vụ PCGD cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi			Số trẻ hỗ trợ ăn trưa		Số trẻ hỗ trợ chi phí học tập	
			Cán bộ quản lý	Giáo viên	Nhân viên	Trẻ em 3 tuổi (Lớp 3-4 tuổi)	Trẻ em 4 tuổi (Lớp 4-5 tuổi)	Trẻ em 3 tuổi (Lớp 3-4 tuổi)	Trẻ em 4 tuổi (Lớp 4-5 tuổi)
117	Phường Bình Cơ	0	5	24	11	0	0	0	0
118	Phường Tân Uyên	1	9	34	5	0	0	15	22
119	Phường Tân Hiệp	4	0	0	0	0	0	0	0
120	Phường Tân Khánh	0	6	23	2	0	0	0	0
121	Xã Thường Tân	2	6	22	7	0	0	0	0
122	Xã Bắc Tân Uyên	10	9	31	3	0	0	0	0
123	Xã Phú Giáo	0	8	49	0	0	0	13	14
124	Xã Phước Hòa	0	5	35	5	1	5	1	5
125	Xã Phước Thành	0	7	23	6	0	0	0	0
126	Xã An Long	4	6	27	6	0	0	0	0
127	Phường Hòa Lợi	3	5	19	2	0	0	0	0
128	Phường Thới Hòa	3	3	14	2	1	1	755	1.194

STT	XÃ/PHƯỜNG/ ĐẶC KHU	Số giáo viên mới tuyển dụng năm học 2025-2026	Số Cán bộ cán bộ, giáo viên, nhân viên thực hiện nhiệm vụ PCGD cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi			Số trẻ hỗ trợ ăn trưa		Số trẻ hỗ trợ chi phí học tập	
			Cán bộ quản lý	Giáo viên	Nhân viên	Trẻ em 3 tuổi (Lớp 3-4 tuổi)	Trẻ em 4 tuổi (Lớp 4-5 tuổi)	Trẻ em 3 tuổi (Lớp 3-4 tuổi)	Trẻ em 4 tuổi (Lớp 4-5 tuổi)
129	Phường Phú An	0	3	22	2	0	0	0	0
130	Phường Tây Nam	3	8	29	7	0	0	0	0
131	Phường Long Nguyên	4	7	32	5	5	7	5	7
132	Phường Bến Cát	0	15	55	6	0	0	0	0
133	Phường Chánh Phú Hòa	0	5	16	4	1	3	1	3
134	Xã Trừ Văn Thố	0	7	29	4	3	0	84	116
135	Xã Bàu Bàng	0	6	32	4	0	0	0	0
136	Xã Long Hòa	6	6	29	3	2	0	2	0
137	Xã Thanh An	2	6	29	7	0	2	0	2
138	Xã Dầu Tiếng	0	7	50	10	0	0	0	0
139	Xã Minh Thạnh	2	9	36	7	0	8	0	8
140	Phường Vũng Tàu	4	23	91	17	0	0	0	0

STT	XÃ/PHƯỜNG/ ĐẶC KHU	Số giáo viên mới tuyển dụng năm học 2025-2026	Số Cán bộ cán bộ, giáo viên, nhân viên thực hiện nhiệm vụ PCGD cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi			Số trẻ hỗ trợ ăn trưa		Số trẻ hỗ trợ chi phí học tập	
			Cán bộ quản lý	Giáo viên	Nhân viên	Trẻ em 3 tuổi (Lớp 3-4 tuổi)	Trẻ em 4 tuổi (Lớp 4-5 tuổi)	Trẻ em 3 tuổi (Lớp 3-4 tuổi)	Trẻ em 4 tuổi (Lớp 4-5 tuổi)
141	Phường Tam Thắng	4	16	70	10	0	0	17	20
142	Phường Rạch Dừa	5	12	85	8	0	0	136	217
143	Phường Phước Thắng	1	10	62	8	0	0	73	116
144	Xã Long Sơn	1	6	21	4	0	0	5	4
145	Phường Bà Rịa	4	13	68	7	0	0	0	0
146	Phường Long Hương	3	9	38	20	0	0	0	0
147	Phường Phú Mỹ	0	0	0	0	1	1	459	693
148	Phường Tân Thành	4	5	25	4	0	0	99	141
149	Phường Tân Phước	0	3	12	4	0	0	140	163
150	Phường Tam Long	1	12	46	17	0	0	0	0
151	Phường Tân Hải	0	4	18	4	0	0	37	50
152	Xã Châu Pha	0	6	27	0	0	0	41	43

STT	XÃ/PHƯỜNG/ ĐẶC KHU	Số giáo viên mới tuyển dụng năm học 2025-2026	Số Cán bộ cán bộ, giáo viên, nhân viên thực hiện nhiệm vụ PCGD cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi			Số trẻ hỗ trợ ăn trưa		Số trẻ hỗ trợ chi phí học tập	
			Cán bộ quản lý	Giáo viên	Nhân viên	Trẻ em 3 tuổi (Lớp 3-4 tuổi)	Trẻ em 4 tuổi (Lớp 4-5 tuổi)	Trẻ em 3 tuổi (Lớp 3-4 tuổi)	Trẻ em 4 tuổi (Lớp 4-5 tuổi)
153	Xã Long Hải	10	17	95	14	0	0	36	61
154	Xã Long Điền	0	10	44	8	0	0	0	0
155	Xã Phước Hải	1	12	62	10	0	0	0	0
156	Xã Đất Đỏ	2	15	46	10	0	0	0	0
157	Xã Nghĩa Thành	0	6	9	3	2	0	2	0
158	Xã Ngãi Giao	4	10	33	9	0	0	0	0
159	Xã Kim Long	1	9	46	3	0	0	0	0
160	Xã Châu Đức	0	9	40	5	0	1	0	1
161	Xã Bình Giã	0	9	31	5	0	0	0	0
162	Xã Xuân Sơn	0	7	26	5	4	17	4	17
163	Xã Hồ Tràm	1	16	75	7	0	0	0	0
164	Xã Xuyên Mộc	0	6	24	4	0	0	0	0

STT	XÃ/PHƯỜNG/ ĐẶC KHU	Số giáo viên mới tuyển dụng năm học 2025-2026	Số Cán bộ cán bộ, giáo viên, nhân viên thực hiện nhiệm vụ PCGD cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi			Số trẻ hỗ trợ ăn trưa		Số trẻ hỗ trợ chi phí học tập	
			Cán bộ quản lý	Giáo viên	Nhân viên	Trẻ em 3 tuổi (Lớp 3-4 tuổi)	Trẻ em 4 tuổi (Lớp 4-5 tuổi)	Trẻ em 3 tuổi (Lớp 3-4 tuổi)	Trẻ em 4 tuổi (Lớp 4-5 tuổi)
165	Xã Bình Châu	0	6	28	3	0	0	0	0
166	Xã Hòa Hội	1	13	43	11	0	0	0	0
167	Xã Hòa Hiệp	0	3	14	1	0	0	0	0
168	Xã Bàu Lâm	0	5	26	4	0	0	0	0
169	Trường MN Thành phố	0	2	16	19	0	0	0	0
170	Trường MN 19/5 Thành phố	0	3	17	26	0	0	0	0
171	Trường MN Nam Sài Gòn	1	3	14	2	0	0	0	0